



BẢN TIN THAN NGÀY

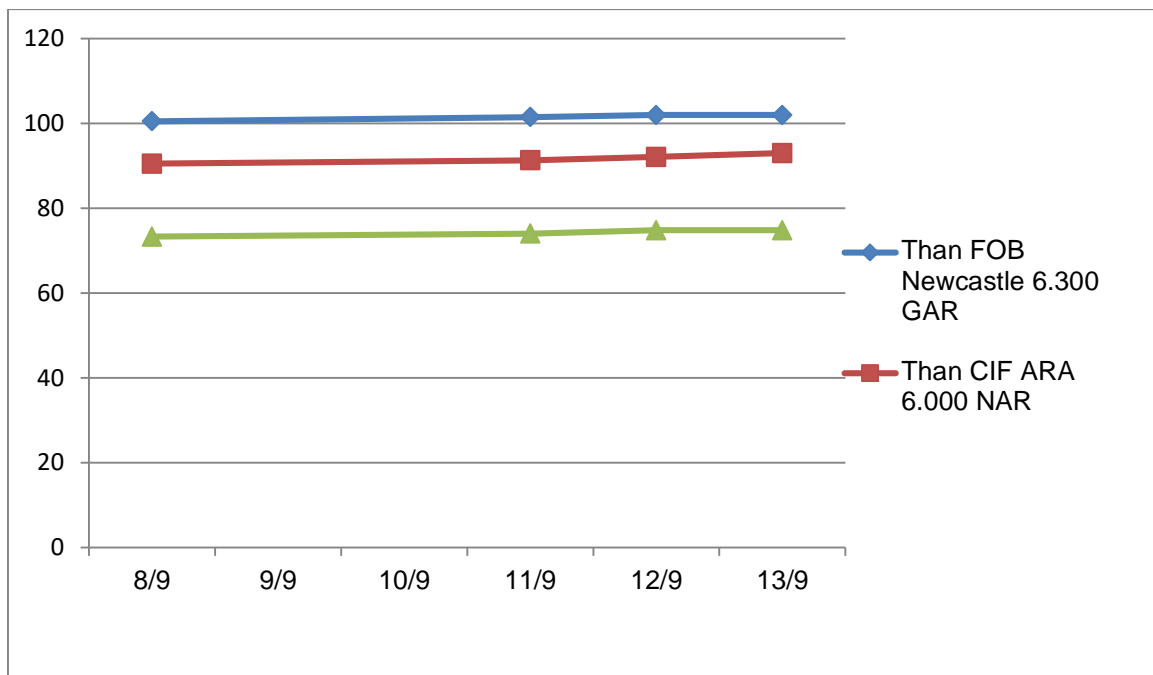
Ngày 15/09/2017

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	102,00	+ 0,00	100,30	+ 0,30
CIF ARA 6.000 NAR	93,00	+ 0,90	90,80	+ 0,30
FOB Richards Bay 5.500 NAR	77,90	+ 3,10	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	78,25	+ 0,25	78,25	+ 0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	63,50	+ 0,50

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	52,00	+ 0,50	395,75	+ 3,53
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	71,00	+ 1,00	540,36	+ 7,24
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	84,00	+ 0,50	639,30	+ 3,37

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2017



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 13/09/2017)

ĐIỂM TIN

Giá Newcastle tăng cao ảnh hưởng đến các cuộc đàm phán giá than tại Nhật Bản

Áp lực đang ngày càng gia tăng lên các cuộc đàm phán giá than cung cấp cho Nhật Bản, nguyên nhân do giá Newcastle vẫn tiếp tục tăng, dự kiến các chuyến hàng sẽ bắt đầu giao trong tháng Mười sắp tới. Trên sàn giao dịch globalCOAL hôm thứ Tư, giá than Newcastle 6.000 NAR giao tháng Mười Một đã lên đến 100 USD/tấn cho các chuyến hàng 25.000 tấn, vượt qua mức 97 USD/tấn ngày 31/8. Các khách hàng Nhật Bản, trong đó có Tohoku Electric Power đang đàm phán với các nhà cung cấp than Úc để thống nhất giá cố định FOB Newcastle cho than 6.107 kcal/kg GAR, bắt đầu giao từ tháng 10/2017 đến tháng 9/2018. Các chuyên gia dự đoán giá thanh toán sẽ từ mức 100 USD/tấn FOB Newcastle cho tháng Mười, cao hơn nhiều so với mức 94,75 USD/tấn tháng Mười năm trước. Cũng trong phiên giao dịch ngày thứ Tư trên globalCOAL, một chuyến hàng than Newcastle 6.000 NAR giao tháng Mười Hai đã được bán với giá 99 USD/tấn FOB, tăng từ 97,15 USD/tấn hôm thứ Hai. Trong khi đó một chuyến hàng 25.000 tấn giao tháng Mười cho than cùng loại được bán với giá 102 USD/tấn FOB hôm thứ Ba. Hiện nay khách hàng trên thị trường đang mua theo chuyến 25.000 tấn nhiều hơn theo tàu Panamax 75.000 tấn và dự đoán xu hướng này sẽ tiếp tục phát triển trong những tháng tới.

Công nhân của Exxaro, Nam Phi đình công

Tổ chức Công đoàn của công nhân mỏ tại Nam Phi (NUM) cho biết các công nhân của Exxaro Resources sẽ đình công trong vòng 48 giờ từ thứ Năm tại mỏ Grootegeluk và Leeuwpán thuộc tỉnh Limpopo và Mpumalanga. NUM hy vọng sau các cuộc đình công có thể đàm phán tăng lương 10% cho toàn bộ công nhân, so với mức 6,5% do Exxaro đề xuất. Hai mỏ Grootegeluk và Leeuwpán cho tổng sản lượng 30 triệu tấn than các loại mỗi năm, than từ hai mỏ này được vận chuyển đến các NMNĐ Matimba, công suất 3.990 MW và Medupi, công suất 4.800 MW của Eskom. Theo Exxaro, mỏ Grootegeluk cũng có thể xuất khẩu khoảng 1 triệu tấn than cốc bán mềm và than nhiệt qua cảng Richards Bay Coal Terminal. Exxaro đã thông báo với khách hàng về việc có thể phải tuyên bố tình trạng bất khả kháng. Các cuộc đình công đã ảnh hưởng đến giá FOB Richards Bay và tác động đến các khách hàng quốc tế. Giá FOB Richards Bay 5.500 kcal/kg NAR hôm thứ Tư đã tăng lên 77,9 USD/tấn, cao hơn 3,10 USD/tấn so với thứ Tư.

Taipower và Komipo đấu thầu mua than nhiệt

Công ty Điện lực Đài Loan Taipower vừa tổ chức đấu thầu mua 480.000 tấn than á bitum giao từ tháng 12/2017 đến tháng 3/2018 đến cảng Đài Trung hoặc cảng Hsinta. Taipower yêu cầu sáu chuyến hàng 80.000 tấn, tàu Panamax với nhiệt trị tối thiểu 5.000 kcal/kg, độ ẩm tối đa 28%, chất bốc 28%, độ tro 8% và lưu huỳnh tối đa 0,9%. Điều kiện cơ sở giao hàng FOB và CFR. Ngoài ra, các công ty Indonesia được yêu cầu cung cấp thêm một bản sao ET Batubara hoặc giấy phép xuất khẩu do Bộ Thương mại Indonesia cấp. Gói thầu sẽ đóng vào ngày 26/9.

Công ty Điện lực Korea Midland (Komipo) vừa công bố gói thầu mua 390.000 tấn than nhiệt giao trong tháng Mười Một đến nhà máy Boryeong. Komipo yêu cầu ba chuyến hàng 130.000 tấn, nhiệt trị 5.700 – 6.100 NAR, độ ẩm tối đa 15%, chất bốc 24%-38 %, độ tro tối đa 20% và lưu huỳnh tối đa 1%. Komipo không chấp nhận than Nga, Trung Quốc và Newcastle. Điều kiện cơ sở giao hàng FOBT. Gói thầu sẽ đóng vào ngày 19/9.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn	Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	9,40		+ 0,05
	Queensland	Nhật Bản	10,90		+ 0,05
	New South Wales	Hàn Quốc	11,25		+ 0,05
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,85		+ 0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,00		+ 0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,25		+ 0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,90		+ 0,00

Úc	Trung Quốc	12,20	+ 0,20
Úc	Ấn Độ	14,00	+ 0,45

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 13/09/2017)